

THÔNG BÁO

Về việc lập, điều chỉnh và duyệt kế hoạch học tập cá nhân
để chuẩn bị đăng ký học phần Học kỳ 2 Năm học 2026-2027 (mã học kỳ 2632)

Phòng Đào tạo đại học thông báo đến Sinh viên (SV), Cố vấn học tập (CVHT) về việc lập, điều chỉnh và duyệt Kế hoạch học tập cá nhân (KHHT-CN) để chuẩn bị cho việc đăng ký học phần của Học kỳ 2 - Năm học 2026-2027 (mã học kỳ: 2632), cụ thể như sau:

1. Đối tượng thực hiện

a) Sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo

- SV hết lộ trình học tập:

- Khóa 2020 đã có Quyết định cho gia hạn thời gian đào tạo.
- Khóa 2021, 2022

- SV còn lộ trình học tập:

- Khóa 2023, 2024, 2025.
- Khóa 2026 thuộc diện tự đăng ký học phần (được xét miễn học phần)

b) Cố vấn học tập: kiểm tra và duyệt KHHT-CN cho SV theo đúng tiến độ và quy định.

2. Thời gian thực hiện

a) SV lập/điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân

- Từ ngày 12/10/2026 đến hết ngày 15/10/2026.

b) CVHT duyệt kế hoạch học tập cá nhân

- Từ ngày 12/10/2026 đến 15/10/2026: Duyệt KHHT-CN hoàn chỉnh.

- Từ ngày 16/10/2026 đến 19/10/2026: Gửi phản hồi yêu cầu sinh viên điều chỉnh (nếu cần) và duyệt lại kế hoạch đã cập nhật.

3. Cách thức thực hiện

SV thực hiện tại: Cổng thông tin sinh viên (<http://httsv.hoasen.edu.vn>) → Mục “Tự quản lý” → “Kế hoạch cá nhân” → Chọn Học kỳ 2 - Năm học 2026-2027 (mã học kỳ: 2632).

CVHT thực hiện duyệt tại: Hệ thống thông tin quản lý (<http://htttql.hoasen.edu.vn>) → Mục “Cổng Cố vấn học tập” → “Quản lý KHHT cá nhân” → Chọn mã học kỳ 2632.

a) SV hết lộ trình học tập

- SV đã hết lộ trình học tập mẫu, KHHT-CN sẽ không hiển thị tại Học kỳ 2.
- SV cần truy cập mục “Duyệt danh mục MH”, lựa chọn các học phần cần học chuyển vào mục “Thêm môn vào kế hoạch”, sau đó từ mục “Môn học chưa lên kế hoạch” chuyển sang Học kỳ 2 (mã học kỳ 2632) để hoàn tất việc lập KHHT-CN.

b) SV còn lộ trình học tập

- SV thuộc diện được Trường xếp thời khóa biểu (Khóa 2023, 2024, 2025, 2026): Trường đã lập KHHT-CN tại Học kỳ 2, SV có thể điều chỉnh KHHT-CN để bổ sung các học phần học lại hoặc tự chọn tự do. Đối với học phần tự chọn bắt buộc, SV cần xóa các học phần không chọn ra khỏi kế hoạch học tập.
- SV thuộc diện tự đăng ký học phần (Khóa 2023, 2024, 2025, 2026 diện xét miễn): chủ động điều chỉnh KHHT-CN để đăng ký các học phần cần học.

4. Thông tin liên hệ

Trong quá trình thực hiện, SV cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ:

- Về danh sách học phần dự kiến mở: CVHT hoặc Giám đốc chương trình.
- Về sự cố phần mềm: Phòng Công nghệ Thông tin - erpsupport@hoasen.edu.vn.
- Về thao tác lập KHHT-CN: Bộ phận Đăng ký học phần - dkmh@hoasen.edu.vn.

Nơi nhận:

- SV (để th/h);
- TT. TNSV&QHDN, các khoa, CVHT, các phòng ban (để ph/h);
- Thông báo (htttsv, email SV);
- Lưu: P. ĐTDH.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Tiến Lập

DANH SÁCH HỌC PHẦN THEO LỘ TRÌNH MẪU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2026-2027

Đính kèm theo thông báo số 77 ngày 09/10/2026

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Tín chi	Tổng số tiết	P.LT	P.TH	Thực địa	Online/ HD	Học phần học trước	Ghi chú
1	AI202DV01	Lập trình hướng đối tượng trong Python	3	60	30	30	0	0	SW101D_Nhập môn Lập trình	
2	AI305DV01	Học sâu	3	60	30	30	0			
3	AI307DV01	Đồ án trí tuệ nhân tạo	3	00	0	0	0		AI205D Trí tuệ nhân tạo	
4	AI405DE01	AI Development Tools and Platforms	3	60	30	30	0		AI303D_Phương pháp và Công cụ trí tuệ nhân tạo	
5	AI406DE01	Advanced Artificial Intelligence	3	60	30	30	0		AI205D Trí tuệ nhân tạo	
6	AI407DV01	Người máy và thị giác máy tính	3	60	30	30	0		AI301D Máy học	
7	AI408DV01	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	30	30	0		AI301D Máy học	
8	AI413DV01	Trí tuệ nhân tạo trong chăm sóc khách hàng	3	60	30	30	0		AI205D Trí tuệ nhân tạo	
9	AI415DV01	Trí tuệ nhân tạo trong thương mại điện tử	3	60	30	30	0		AI205D Trí tuệ nhân tạo	
10	AI418DV01	Khoa học dữ liệu nâng cao	3	60	30	30	0		AI306D Phân tích dữ liệu	
11	AI450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
12	AI451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
13	ANH102DE03	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 2	3	45	45	0	0	0	ANH101DE_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 1	
14	ANH117DE02	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 2	3	60	60	0	0	0	ANH116DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 1	
15	ANH211DE04	Educational Psychology	3	45	45	0	0		ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3, hoặc ANH218D_Kỹ năng Đọc-Viết luận tiếng Anh	
16	ANH220DE02	Introduction to Linguistics	3	45	45	0	0			
17	ANH225DE02	Introduction to Corporate Communication	3	45	45	0	0		ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
18	ANH228DE01	English for Business Studies	3	60	60	0	0		ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
19	ANH303DE03	English Syntax and Morphology	3	60	60	0	0		ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
20	ANH325DE02	Essentials for Marketing and Sales	3	60	60	0	0		ANH228D_Anh văn Kinh doanh	
21	ANH332DE02	Introduction to English Language Teaching & Learning	3	45	45	0	0		ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
22	ANH334DE01	Teaching CLIL Classes	3	45	45	0	0		ANH332D_Nhập môn Giảng dạy tiếng Anh	
23	ANH403DE01	Practice in Business Translation	3	60	60	0	0		ANH308D_Nhập môn Biên Phiên dịch	
24	ANH404DE03	English Semantics	3	45	45	0	0		ANH223D_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
25	ANH406DE03	English Lesson Planning and Materials Development	3	45	45	0	0		ANH332D_Nhập môn Giảng dạy tiếng Anh	
26	ANH410DE03	Corporate Communication Strategies	3	45	45	0	0		ANH318D Truyền thông nội bộ	
27	ANH411DE01	Classroom-based Language Assessment	3	45	45	0	0		ANH332D_Nhập môn Giảng dạy tiếng Anh	
28	ANH417DE01	Teaching English in Different Contexts	3	60	60	0	0		ANH332D_Nhập môn Giảng dạy tiếng Anh	
29	ANH421DE02	Building Professional Customer Service	3	60	60	0	0		ANH225D Dẫn nhập Truyền thông và Tổ chức Doanh nghiệp	
30	ANH450DE03	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
31	ANH451DE03	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
32	ART102DV02	Cơ sở tạo hình	3	60	0	60	0	0	0	
33	ART109DV01	Lịch sử Mỹ thuật (Thế giới + Việt Nam)	3	60	60	0	0	0	0	
34	ART202DV02	Đồ họa ứng dụng	3	60	0	60	0		ART207D_Kỹ thuật phác họa và phối cảnh	
35	AV202EL02	Kỹ năng tiếng Anh giao tiếp 2	5	105	105	0	0	0	0	
36	BA101DV01	Kinh tế vi mô	3	45	45	0	0	0	0	
37	BA102DV01	Kinh tế vi mô	3	45	45	0	0		BA101DV01_Kinh tế vi mô	
38	BA103DV01	Đạo đức kinh doanh	3	45	45	0	0	0	0	
39	BA201DE01	Negotiation Skills	3	45	45	0	0		BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh	
40	BA208DV01	Phân tích kinh doanh căn bản	3	45	45	0	0			
41	BA301DV03	Đề án ngành Quản trị kinh doanh	3	00	0	0	0		MK203D_Marketing căn bản BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh KT204D_Nguyên lý Kế toán	
42	BA302DE01	Strategic Management	3	45	45	0	0		BA107D_Kinh tế học	
43	BA304DV01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45	45	0	0		GS109D_Thống kê trong kinh doanh	
44	BA305DV01	Quản trị rủi ro	3	45	45	0	0		BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh	
45	BA306DV01	Quản trị chất lượng	3	45	45	0	0		BA104DV01/BA104DE01_Quản trị học	
46	BA307DV01	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	45	45	0	0		GS109D_Thống kê ứng dụng	

47	BA308DV01	Nghệ thuật lãnh đạo	3	45	45	0	0			
48	BA401DV02	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0	0		GS109D_ Thống kê trong kinh doanh, BA104D_ Quản trị học	
49	BA450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
50	BA451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
51	BLAW301DV02	Luật Chứng khoán	3	45	45	0	0			
52	BLAW303DE02	Laws on Competition	3	45	45	0	0		LAW112D_ Pháp luật về Chủ thể kinh doanh và phá sản LAW113D_ Pháp luật về Hàng hóa và dịch vụ	
53	BLAW305DV02	Pháp luật về Kinh doanh bất động sản	3	45	45	0	0		LAW210D_ Luật Dân sự 1	
54	BLAW306DV02	Pháp luật về Kế toán - Kiểm toán	3	45	45	0	0		LAW112D_ Pháp luật về Chủ thể kinh doanh và phá sản	
55	BLAW310DE02	Laws on Cybersecurity and Data Privacy	3	45	45	0	0		LAW101D_ Lý luận nhà nước và pháp luật	
56	BLAW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
57	BLAW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
58	CL102DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 2	3	60	60	0	0	0	CL101D_ Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 1	
59	CL104DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 2	3	60	60	0	0	0	CL103D_ Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 1	
60	CL202DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 4	3	60	60	0	0		CL201D_ Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 3	
61	CL204DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 4	3	60	60	0	0		CL203D_ Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 3	
62	CL205DV01	Tiếp xúc Hán Việt và Từ Hán - Việt	3	45	45	0	0			
63	CL208DV01	Trải nghiệm văn hóa Trung Hoa	3	45	45	0	0	0	0	
64	CL301DV01	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	3	45	45	0	0			
65	CL302DV01	Kỹ năng Biên – Phiên dịch tiếng Trung Quốc	3	60	60	0	0		CL202D_ Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 4; CL204D_ Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 4	
66	CL303DV01	Kỹ năng giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	60	60	0	0		CL202D_ Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 4; CL204D_ Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 4	
67	CL403DC01	Văn hóa thương mại Quốc tế	3	45	45	0	0		CL305DC_ Giao tiếp thương mại tiếng Trung Quốc; CL402DC_ Viết thư tín thương mại tiếng Trung Quốc	
68	CL404DC01	Tiếng Trung du lịch	3	60	60	0	0			
69	CL450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
70	CL451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
71	CN103DV01	Mạng máy tính cơ sở	3	60	30	30	0			
72	CN203DV01	Lý thuyết hệ điều hành	3	60	30	30	0			
73	CN335DV01	An toàn mạng	3	60	30	30	0			
74	CN336DV01	Quản lý rủi ro và bảo mật	3	60	30	30	0			
75	DA203DV01	Điều khắc mô hình	3	45	0	45	0			
76	DA204DE02	Calligraphy	3	60	60	0	0			
77	DA305DV01	Hoạt hình nâng cao	3	60	0	60	0		DA201D_ Hoạt hình căn bản	
78	DA308DV01	Thiết kế bối cảnh	3	60	0	60	0			
79	DA309DV01	Thiết kế Đồ họa game	3	60	30	30	0			
80	DA402DE01	Comic Illustration	3	60	30	30	0			
81	DA450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0						
82	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	3	45	41	0	4	EL	0	
83	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	30	0	0		DC140D_ Triết học Mác-Lênin	
84	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0		DC141D_ Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
85	DM302DE02	Digital Marketing Strategy	3	45	45	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
86	DM302DV02	Chiến lược Marketing Kỹ thuật số	3	45	45	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
87	DM304DE01	Introduction to Digital Marketing	3	45	45	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
88	DM308DV03	Đề án ngành Digital Marketing	3	00	0	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
89	DM310DV01	Đề án đổi mới sáng tạo trong kinh doanh	3	00	0	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
90	DM401DE02	Search Engine Optimization	3	45	45	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
91	DM406DV02	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Marketing	3	45	45	0	0		MK203D_ Marketing căn bản	
92	DM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
93	DM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
94	EC201DE01	E-Commerce	3	45	45	0	0		GE101DV01_ Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	
95	EC202DV01	Cơ sở pháp lý về thương mại điện tử	3	45	45	0	0			
96	EC304DV01	Kho dữ liệu và khai thác dữ liệu	3	45	45	0	0			
97	EC306DV01	Doanh nghiệp điện tử	3	45	45	0	0			
98	EC307DV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0			
99	EC309DV03	Đề án ngành Thương mại điện tử	3	00	0	0	0		EC201D_ Thương mại điện tử	
100	EC314DE01	Design Call-to-Action Contents	3	45	45	0	0			
101	EC401DE01	Advanced E-commerce	3	45	45	0	0		EC201D_ Thương mại điện tử	
102	EC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
103	EC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						

104	EM203DV01	Văn bản pháp luật và quy trình xin giấy phép trong ngành sự kiện	3	45	45	0	0		EM102DV01_Nguyên lý Quản trị Sự kiện	
105	EM301DE01	Event Hospitality	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL- KS-NH và sự kiện	
106	EM306DV01	Biên tập chương trình sự kiện	3	45	45	0	0		EM208D_Nhập môn Quản trị Sự kiện	
107	EM308DV01	Quản lý địa điểm và cơ sở vật chất trong sự kiện thể thao	3	45	45	0	0		SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao	
108	EM316DE01	Catering for Events	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
109	EM401DV01	Quản trị Dự án trong ngành Sự kiện	3	45	45	0	0		EM208D_Nhập môn Quản trị Sự kiện	
110	EM402DE01	Finance and Budget Control in Events	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL- KS-NH và sự kiện KT204D_Nguyên lý kế toán	
111	EM404DE01	Contemporary Sport Event Management	3	45	45	0	0		SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao	
112	EM406DV02	Sản xuất & thi công trong ngành Sự kiện	3	45	45	0	0			
113	FT305DE01	Digital Banking	3	45	45	0	0			
114	FT307DE01	International Payment System	3	45	45	0	0			
115	FT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
116	FT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
117	GD102DV01	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản)	3	45	0	45	0			
118	GD201DV02	Tin học chuyên ngành 2	2	45		45	0			
119	GD205DE01	Layout Design	3	60	0	60	0		GD213D_Nghệ thuật chữ GD212D_Tin học thiết kế ứng dụng	
120	GD209DV01	Tư duy thiết kế	3	45	45	0	0			
121	GD210DV01	Kỹ thuật phát hoa	3	60	0	60	0	0	0	
122	GD211DV01	Kỹ thuật minh họa	3	60	0	60	0			
123	GD305DE01	Brand Identity Design	3	60	0	60	0		ART202D_Đồ họa ứng dụng	
124	GD308DE01	Visual Effect	3	60	0	60	0			
125	GD311DV01	Thiết kế UI – UX 2	3	60	0	60	0		GD310DV01_Thiết kế UI – UX 1	
126	GD402DE01	Communication Design	3	60	30	30	0		ART206D_Triết lý thiết kế	
127	GD450DV01	Đồ án Tốt nghiệp	9	0						
128	GE006DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3	0	135	135	0	0	EL	GE005D_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 2	
129	GE103DV01	Tiếng Anh 1	4	90	90	0	0			Ngoại ngữ 2
130	GE105DV01	Tiếng Anh 3	4	90	90	0	0			Ngoại ngữ 2
131	GE106DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	5	135	135	0	0	EL	0	
132	GE107DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5	5	135	135	0	0	EL	0	
133	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	3	45	45	0	0	0	0	
134	GLAW201DV01	Luật lao động	3	45	45	0	0			
135	GLAW202DE02	International Trade and Business Law	3	45	45	0	0			
136	GLAW202DV02	Luật thương mại và kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0			
137	GS102DV01	Toán rời rạc	3	45	45	0	0	0	0	
138	GS109DV02	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0	0	0	0	
139	GS110DV01	Xác suất thống kê cho kỹ sư	3	45	45	0	0			
140	HAN101DV01	Tiếng Hàn 1	4	90	90	0	0			
141	HAN103DV01	Tiếng Hàn 3	4	90	90	0	0			
142	HM102EL01	Kinh tế học trong DL và KS-NH	3	45	45	0	0	0	0	
143	HM201DV02	Kỹ năng vận hành bộ phận phòng	3	60	30	30	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
144	HM201EL02	Quản trị bộ phận phòng	3	60	32	28	0			
145	HM202DV02	Marketing trong DL-NH-KS	3	45	45	0	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
146	HM203DV02	Phong cách chuyên nghiệp trong ngành Du lịch	3	45	30	0	15	0	TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
147	HM204DE01	Front Office Operation	3	45	12	33	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
148	HM207DV01	Phong cách chuyên nghiệp trong ngành khách sạn	3	45	30	0	15	0	TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
149	HM210EL01	Phong cách chuyên nghiệp trong ngành Du lịch	3	45	30	0	15	0	0	
150	HM301EL02	Quản trị bộ phận tiền sảnh	3	60	36	24	0			
151	HM302DV02	Phát triển nhân sự ngành dịch vụ	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL- KS-NH và sự kiện	
152	HM304EL02	Phát triển nhân sự trong DL và KS-NH	3	45	45	0	0			
153	HM307DE01	Reservation and Revenue Management	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
154	HM308DE01	Hospitality Sales Coach	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
155	HM309DE01	Contemporary Issues in the Hospitality Industry	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
156	HM309EL01	Những xu hướng đương đại trong ngành KS-NH	3	45	45	0	0			
157	HM403DV01	Kế hoạch phát triển khách sạn	3	45	45	0	0		TO101D_Tổng quan DL và KS-NH	
158	HM404DE01	Room Division Management	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
159	HRM202DV03	Đề án ngành Quản trị nhân lực	3	00	0	0	0		HRM203D_Quản trị nhân sự	
160	HRM203DV01	Quản trị nhân sự	3	45	45	0	0		BA108D_Quản trị học và Đạo đức kinh doanh	
161	HRM204DV01	Văn hóa doanh nghiệp	3	45	45	0	0		GE101DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	
162	HRM306DE01	Labor Relations	3	45	45	0	0		BA108D_Quản trị học và đạo đức kinh doanh	
163	HRM307DV01	Tâm lý học nhân sự	3	45	45	0	0		HRM203DE01/DV01_Quản Trị Nhân Sự	
164	HRM404DE01	Strategic Human Resource Management	3	45	45	0	0		HRM203D_Quản trị nhân sự	
165	HRM450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
166	HRM451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						

167	IB101DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0	0	0	
168	IB206DE01	Global Supply Chain Management	3	45	45	0	0			
169	IB301DE01	International Investment	3	45	45	0	0		IB101D Nhập môn Kinh doanh quốc tế	
170	IB304DV03	Đề án ngành Kinh doanh quốc tế	3	00	0	0	0			
171	IB306DE01	International Payment	3	45	45	0	0			
172	IB309DV01	Đàm phán và hợp đồng kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0		BA104DV01/DE01_ Quản trị học GE101DV01_ Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	
173	IB404DE01	Entry Strategy and Risk Management to International Market	3	45	45	0	0			
174	IB450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
175	IB451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
176	ILAW401DE01	Investment Law	3	45	45	0	0		LAW212D Luật Dân sự	
177	IT002DV01	Kỹ năng công nghệ	0	45	0	45	0	0	0	
178	IT202DV01	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	30	30	0		IT201DV01 Cơ sở dữ liệu	
179	IT308DV02	Đồ án chuyên ngành	3	00	0	0	0		IT208D Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng. SW210D Công nghệ phần mềm	
180	IT311DV02	Dữ liệu lớn	3	60	30	30	0		IT208D Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng hoặc IT209D Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu	
181	IT401DV01	Công nghệ Blockchain	3	45	45	0	0		SW210D Công nghệ phần mềm	
182	IT450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
183	IT451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
184	KL102DV01	Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 2	3	60	60	0	0	0	KL101D_Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 1	
185	KL104DV01	Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 2	3	60	60	0	0	0	KL103D_Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 1	
186	KL202DV01	Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 4	3	60	60	0	0		KL201D_Kỹ năng Nghe - Nói tiếng Hàn Quốc 3	
187	KL204DV01	Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 4	3	60	60	0	0		KL203D_Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Hàn Quốc 3	
188	KL205DV01	Đối chiếu ngôn ngữ Hàn - Việt	3	45	45	0	0			
189	KL206DV01	Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc	3	45	45	0	0	0	0	
190	KL207DV01	Ứng dụng AI và phần mềm văn phòng tiếng Hàn Quốc	3	45	45	0	0			
191	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0	0			
192	KT210DE02	Financial Accounting 1	3	60	60	0	0		KT204D Nguyên lý kế toán	
193	KT212DV02	Thuế	3	45	45	0	0		BA107D Kinh tế học	
194	KT302DV01	Kế toán quản trị	3	45	45	0	0		KT204D Nguyên lý kế toán	
195	KT412DE01	Financial Reporting and Analysis	3	45	45	0	0		KT304D_Kế toán tài chính Việt Nam 2 hoặc KT308D Kế toán tài chính 2	
196	KT413DE01	Internal Auditing	3	45	45	0	0		KT304D_Kế toán tài chính Việt Nam 2 hoặc KT308D Kế toán tài chính 2	
197	KT415DV01	Kiểm toán	3	60	60	0	0		KT304D_Kế toán tài chính Việt Nam 2 hoặc KT308D Kế toán tài chính 2	
198	KT450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
199	KT451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
200	LAW103DV01	Luật hiến pháp	3	45	45	0	0	0	LAW101DV01_Lý luận nhà nước và pháp luật	
201	LAW105DV02	Luật Hôn nhân và gia đình	3	45	45	0	0		LAW212D Luật Dân sự	
202	LAW106DV01	Luật Đất đai - Môi trường	3	45	45	0	0			
203	LAW109DV01	Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự	3	45	45	0	0		LAW104DV01_Những vấn đề chung về Luật Dân sự	
204	LAW112DE01	Laws on Commercial Entities and Bankruptcy	3	45	45	0	0		LAW212D_Luật Dân sự	
205	LAW114DE02	Legal Terms in English	3	45	45	0	0		LAW103D Luật Hiến pháp	
206	LAW116DV01	Kỹ năng tranh tụng	2	30	30	0	0			
207	LAW119DV01	Đạo đức hành nghề Luật sư	3	45	45	0	0	0	0	
208	LAW203DV02	Pháp luật về Bảo đảm Nghĩa vụ	3	45	45	0	0		LAW202D_Pháp luật về Hợp đồng và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	
209	LAW209DV02	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	45	45	0	0			
210	LAW215DV01	Tội phạm học	2	30	30	0	0			
211	LE103DV01	Giới và Phát triển tại Việt Nam	3	45	45	0	3	0	0	
212	LE202DV01	Tư duy Phân biện	3	45	45	0	0	0	0	
213	LE202EL01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	3	45	45	0	0	0	0	
214	LE208DV01	Giao tiếp liên Văn hoá	3	45	45	0	3	0	0	
215	LE212DV01	Tinh thần doanh chủ	3	45	45	0	0	0	0	
216	LG205DE01	Warehouse and Inventory Management (FIATA)	3	45	45	0	0		LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
217	LG206DV01	Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	45	45	0	0	0	BA104D_ Quản trị học	
218	LG311DE01	Techniques of International Trade (FIATA)	3	45	45	0	0		LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
219	LG313DE01	Multimodal Transport (FIATA)	3	45	45	0	0			
220	LG315DE01	Cargo and Insurance in International Transport (FIATA)	3	45	45	0	0		LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
221	LG319DE01	Logistics Services (FIATA)	3	45	45	0	0			

222	LG322DV02	Đề án ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	00	0	0	0		LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng MK203D_Marketing căn bản IB101D_Nhập môn Kinh doanh quốc tế	
223	MC101DV01	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	60	60	0	0	0	0	
224	MC201DE01	Social Media and Content Creation for Social Media	3	60	60	0	0			
225	MC303DE01	Media Script	3	60	60	0	0			
226	MC401DV01	Đề án truyền thông đa phương tiện	3	00	0	0	0			
227	MC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
228	MC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
229	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	3	45	0	45	0			
230	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	3	45	0	45	0		MIS101D_Tin học đại cương hoặc IT001D_Tin học dự bị	
231	MIS218DV01	Năng lực số và ứng dụng AI	3	45	0	45	0	0	IT002D_Kỹ năng công nghệ	
232	MK202DV02	Hành vi khách hàng	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
233	MK203DV01	Marketing căn bản	3	45	45	0	0	0	0	
234	MK208DE01	Marketing Research	3	45	45	0	0		GS109D_Thống kê ứng dụng	
235	MK303DV02	Marketing trực tiếp & định hướng dữ liệu	3	45	45	0	0		MK202D_Hành vi khách hàng	
236	MK308DE03	Integrated Marketing Communications Management	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
237	MK310DV01	Quản trị bán hàng	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
238	MK315DV04	Đề án ngành Marketing	3	00	0	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
239	MK316DE01	Pricing Strategy	3	45	39	0	6		MK203D_Marketing căn bản	
240	MK317DV01	Chiến lược marketing	3	45	45	0	0		MK203DV01/DE01_Marketing căn bản GE101DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	
241	MK318DV01	Phương tiện truyền thông Marketing xã hội	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
242	MK328DV01	Đề án doanh nghiệp	3	00	0	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
243	MK401DE02	Brand Management	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
244	MK401DV02	Quản trị thương hiệu	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
245	MK404DV01	Marketing dịch vụ	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
246	MK407DE01	Events and Sponsors Management	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
247	MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
248	MK409DV01	Marketing nền tảng di động	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
249	MK410DV01	Phân tích dữ liệu Marketing điện tử	3	45	45	0	0		MK203D_Marketing căn bản	
250	MK450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
251	MK451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
252	NHAT101DV02	Tiếng Nhật 1	4	90	90	0	0			
253	NHAT103DV03	Tiếng Nhật 3	4	90	90	0	0			
254	PHAP101DV02	Tiếng Pháp 1	4	90	90	0	0			
255	PHAP103DV02	Tiếng Pháp 3	4	90	90	0	0			
256	PR201DE01	Business & Management Fundamentals	3	45	45	0	0			
257	PR202DV01	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	45	45	0	0	0	TT104D_Tổng quan về truyền thông	
258	PR301DV01	Kỹ năng nói trước công chúng	3	45	45	0	0		TT109D_Truyền thông, văn hóa và xã hội	
259	PR304DV01	Kỹ năng viết nâng cao cho hoạt động quan hệ công chúng	3	45	45	0	0		TT218D_Kỹ năng tạo lập văn bản truyền thông	
260	PR401DE01	Corporate Communications	3	45	45	0	0		PR202D_Nhập môn Quan hệ công chúng MK203D_Marketing căn bản	
261	PR402DE01	Crisis Communication Management	3	45	45	0	0			
262	PR402DV01	Quản lý khủng hoảng truyền thông	3	45	45	0	0		TT309D_Quản trị dự án truyền thông	
263	PR451DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0						
264	PSY109DV02	Thống kê và Phân tích trong Tâm lý học	3	45	45	0	0	0	0	
265	PSY202DE02	Professional Practices in Psychology	3	45	45	0	0			
266	PSY204DV01	Kỹ năng tham vấn căn bản	3	45	45	0	0			
267	PSY205DV01	Lý thuyết về nhân cách	3	45	45	0	0		PSY102D_Tiến trình hình thành khoa học về tâm lý	
268	PSY207DV01	Tâm bệnh học II	3	45	45	0	0		PSY206D_Tâm bệnh học I	
269	PSY210DV01	Tâm lý học trong doanh nghiệp	3	45	45	0	0			
270	PSY212DV01	Đề án nghiên cứu	3	00	0	0	0			
271	PSY306DE01	Health Psychology	3	45	45	0	0			
272	PSY404DV01	Trị liệu nhận thức hành vi I	3	45	45	0	0		PSY313D_Trị liệu nhận thức hành vi I	
273	PSY405DV01	Trị liệu nhận thức thiên định	3	45	42	0	3		PSY315D_Nền tảng và kỹ thuật Tham vấn	
274	PSY411DE01	Psychological Testing in Clinical Settings	3	45	45	0	0		PSY201D_Đánh giá tâm lý	
275	PSY412DE01	Psychological Testing in Organizations	3	45	45	0	0		PSY201D_Đánh giá tâm lý	
276	PSY413DE01	Psychology of Behavior at Work	3	45	45	0	0		PSY210D_Tâm lý học trong doanh nghiệp	
277	PSY450DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	0						
278	PSY451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
279	RM201EL01	Quản trị bộ phận ẩm thực	3	45	21	24	0			
280	RM202DV01	Chế biến món ăn	3	60	30	30	0		TO101DV01_Tổng quan DL và KS-NH	
281	RM205DV01	An toàn và Vệ sinh	3	45	45	0	0		TO101DV01_Tổng quan DL và KS-NH	
282	RM206DE01	Food and Beverage Service Operation	3	45	21	24	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
283	RM302DE01	Bar and Beverage Services	3	45	24	21	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
284	RM304DV01	Kỹ thuật làm bánh	3	60	30	30	0		TO101DV01_Tổng quan DL và KS-NH	

285	RM305DE01	Oenology	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
286	RM402DE01	Restaurant management	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
287	SE201DV01	Nhập môn Kinh tế thể thao	3	45	45	0	0			
288	SE205DV01	Kiến thức cơ sở về An toàn trong thể thao	3	45	45	0	0		SE201D_Nhập môn Kinh tế thể thao	
289	SE316DV01	Đề án ngành Kinh tế thể thao	3	00	0	0	0		DC143D_Tư tưởng Hồ Chí Minh	
290	SE450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
291	SE451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
292	SW102DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30	0	0	SW101D_Nhập môn Lập trình	
293	SW103DV01	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30	0	0	SW101D_Nhập môn lập trình	
294	SW301DV01	Phát triển game	3	60	30	30	0		IT208D_Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng	
295	SW305DV01	Phát triển Web	3	60	30	30	0		IT208D_Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng IT209D_Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu	
296	SW310DV01	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	60	30	30	0		IT208D_Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng	
297	SW312DV01	Phát triển phần mềm ứng dụng	3	60	30	30	0		IT208D_Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng	
298	SW320DV01	Phát triển dự án phần mềm	3	45	45	0	0		SW210D_Công nghệ phần mềm	
299	SW402DE01	Software Architecture	3	60	30	30	0		IT208D_Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng	
300	SW403DE01	Software Project Management	3	45	45	0	0		IT208D_Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống hướng đối tượng	
301	SW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0						
302	SW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0						
303	TB209DV01	Tự chọn tự do	3	45	45	0	0			
304	TC202DV01	Tài chính doanh nghiệp	3	45	45	0	0			
305	TC303DE01	Portfolio Management	3	45	45	0	0			
306	TC304DV02	Quản trị tài chính	3	45	45	0	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
307	TC305DE01	Restructuring and Firm Evaluation	3	45	45	0	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
308	TC401DV02	Phương pháp Định lượng trong Tài chính	3	45	45	0	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
309	TC402DV01	Các Mô hình Tài chính	3	45	0	45	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
310	TC430DE01	Managing for Value Creation	3	45	45	0	0		TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
311	TC433DV01	Đề án “Behind the data”	3	00	0	0	0		KT204D_Nguyên lý kế toán hoặc TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
312	TC450DV01	Thực tập Tốt nghiệp	9	0						
313	TC451DV01	Khóa luận Tốt nghiệp	9	0						
314	TK104DV02	Văn hoá thời trang 1	3	60	60	0	0			
315	TK112DV01	Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng	3	45	45	0	0	0	0	
316	TK113DV02	Nguyên lý thiết kế thời trang	3	60	60	0	0			
317	TK116DV01	Xử lý bề mặt vật liệu	3	60	56	0	4	0	0	
318	TK117DV01	Nền tảng thiết kế thời trang	3	75	75	0	0		TK112D_Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng	
319	TK215DV01	Quản lý hồ sơ năng lực thiết kế thời trang	3	45	45	0	0		TK331D_Dự án Thiết kế thời trang	
320	TK216DV02	CAD	3	75	0	75	0		TK115DV02 - Photoshop, Illustrator, Indesign	
321	TK331DE01	Fashion Design Project	3	60	0	60	0		TK313D_Thiết kế thời trang nữ TM202D_Kỹ thuật draping	
322	TK332DE01	Elective Fashion Design	3	60	0	60	0		TK218D_Thiết kế bộ sưu tập thời trang	
323	TM103DV03	Kỹ thuật may căn bản	3	60	0	60	0	0	0	
324	TM308DV02	Tạo mẫu nâng cao	3	75	0	75	0		TK213DV02 - Đề án 1	
325	TN102DV03	Tin học nội thất : Nhập môn và AutoCAD	3	60	0	60	0	0	0	
326	TN103DV03	Kiến trúc - Nội thất nhập môn	3	45	45	0	0	0	0	
327	TN115DV01	Công cụ số trong thiết kế kiến trúc nội thất	3	90	0	90	0			
328	TN117DV01	Kỹ thuật trình bày bản vẽ	3	60	0	60	0	0	0	
329	TN201DV02	Tin học nội thất 2 - (Photoshop)	3	45		45	0		TN102D_Tin học nội thất 1: Nhập môn và AutoCAD	
330	TN217DV02	Đề án Đi thực tế tìm hiểu kiến trúc - nội thất	3	0						
331	TN220DV01	Kinh doanh và quản lý dự án nội thất	3	60	56	0	4			
332	TN319DE01	Design Studio: Office Interior Design	3	60	0	60	0		TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất	
333	TN402DE02	Design Studio: Hospitality Interior Design	3	60	0	60	0		TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất	
334	TN405DE01	Preparation for Major (Graduation) Project	3	60	0	60	0		TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất	
335	TN450DV01	Đồ án Tốt nghiệp - Kiến trúc Nội thất	9	0						
336	TO202DV01	Lịch sử và văn hóa Việt Nam	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
337	TO209DE01	Tour Guiding: Profession and Practice	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
338	TO304DV02	Quản lý dự án DL-NH-KS-SK	3	00	0	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
339	TO312DV01	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	45	45	0	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	

340	TO314DE01	Tour Operation	3	45	45	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
341	TO319DV01	Đề án ngành Quản trị DL-NH-KS-SK	3	00	0	0	0		TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
342	TO402DE01	Travel Management	3	45	45	0	0			
343	TO403DE02	Tourism Product Development	3	45	45	0	0		TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
344	TQ101DV02	Tiếng Trung 1	4	90	90	0	0			
345	TQ103DV03	Tiếng Trung 3	4	90	90	0	0		TQ102D_Tiếng Trung 2	
346	TT105DV01	Truyền thông và xã hội	3	45	45	0	0		TT104DV02_Tổng quan về truyền thông	
347	TT106DV01	Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	3	75	69	0	6	0	0	
348	TT204DV02	Luật và đạo đức truyền thông	3	60	60	0	0		TT109D_Truyền thông, văn hóa và xã hội	
349	TT206DV02	Nội dung phương tiện truyền thông nghe nhìn	3	75	75	0	0		TT106DV01_Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	
350	TT207DV01	Kỹ thuật audio – video	3	75	36	39	0		TT205DV02_Quy trình sản xuất sản phẩm TTNN	
351	TT213DE01	Introduction to Image and Sound	3	75	51	24	0			
352	TT216DV01	Văn hóa đại chúng Châu Á	3	45	45	0	0		TT109D_Truyền thông, văn hóa và xã hội	
353	TT218DV01	Kỹ năng tạo lập văn bản truyền thông	3	60	60	0	0		TT109D_Truyền thông, văn hóa và xã hội	
354	TT303DV02	Sản xuất Phim truyện	3	75	0	75	0			
355	TT304DE02	TVC and New Media Production	3	75	0	75	0		TT205D_Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn	
356	TT306DV04	Dự án sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn	3	00					TT304D_Sản xuất Quảng cáo TVC và New Media hoặc FM312D_Sản xuất Phim tài liệu	
357	TT402DE01	Media Selling	3	60	60	0	0		TT301D_Nghiên cứu thị hiếu khán thính giả	
358	TT403DV04	Kế hoạch kinh doanh sản phẩm truyền thông nghe nhìn	3	00					TT320D_Quản trị truyền thông tích hợp	
359	TT404DV01	Kỹ thuật hậu kỳ	3	45	0	45	0			
360	TT405DV02	Sản xuất nâng cao	3	60	56	0	4		TT302D_Sản xuất chương trình giải trí truyền hình hoặc TT304D_Sản xuất Quảng cáo TVC và New Media hoặc FM312D_Sản xuất Phim tài liệu	
361	TT452DV01	Đồ án Tốt nghiệp	9	0						
362	PE104DV01	Bóng đá	1	30		30				
363	PE115DV01	Marathon	1	30		30				
364	PE114DV01	Kickboxing	1	30		30				
365	PE129DV01	Bắn súng	1	30		30				
366	PE105DV01	Bóng rổ	1	30		30				
367	PE121DV01	Dance Sport	1	30		30				
368	PE109DV01	Cầu lông	1	30		30				
369	PE128DV01	Bắn cung	1	30		30				
370	PE119DV01	Muay	1	30		30				
371	PE107DV01	Karatedo	1	30		30				
372	PE110DV01	Taekwondo	1	30		30				
373	PE130DV01	Pickleball	1	30		30				
374	PE126DV01	Bơi lội	1	30		30				
375	PE120DV01	Thể hình	1	30		30				
376	PE124DV01	Golf	1	30		30				